

TTĐTCL

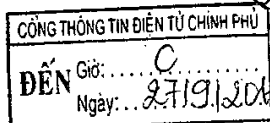
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia



Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Để thực hiện Hiệp định và Nghị định thư về xây dựng và thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về trách nhiệm thực hiện, trình tự thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

2. Quyết định này không áp dụng đối với: Các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài chở khách mời của Đảng và Nhà nước đến thăm và làm việc tại Việt Nam; các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam; các chuyến bay của nước ngoài hoặc của Việt Nam làm nhiệm vụ hộ tống, tiền trạm cho các chuyến bay chuyên cơ nêu trên; các chuyến bay quân sự, chuyên dụng của lực lượng quân đội, công an, hải quan Việt Nam, các chuyến bay sử dụng cho mục đích công vụ của Nhà nước Việt Nam và các chuyến bay cứu hộ, cứu nạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện thủ tục tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không (sau đây gọi tắt là Cơ chế một cửa quốc gia) là việc cho phép người làm thủ tục gửi thông tin, chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Các cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Cổng thông tin một cửa quốc gia phục vụ thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin một cửa quốc gia) là hệ thống thông tin tập trung, tích hợp phục vụ cho việc khai báo điện tử của người làm thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và việc hoàn thành thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không. Địa chỉ truy cập vào Cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia là: <https://www.vnsw.gov.vn>.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không bao gồm: Hải quan cửa khẩu, cảng vụ hàng không, công an cửa khẩu, cơ quan kiểm dịch động vật, cơ quan kiểm dịch thực vật, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới.

4. Hệ thống thông tin nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước (sau đây gọi tắt là hệ thống thông tin nghiệp vụ) bao gồm các chức năng kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia và các phân hệ xử lý thông tin hồ sơ khai báo của người làm thủ tục thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

5. Thủ tục cho tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia là trình tự xử lý các giao dịch điện tử kể từ khi người làm thủ tục khai các hồ sơ điện tử thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia tới khi nhận được quyết định hoàn thành thủ tục cho tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

6. Hồ sơ điện tử là thông tin điện tử thể hiện nội dung của các biểu mẫu, chứng từ mà người làm thủ tục phải nộp theo quy định; các thông báo, xác nhận liên quan đến nghiệp vụ được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không và người làm thủ tục; thông báo giữa các cơ quan quản lý nhà nước với nhau.

7. Người làm thủ tục là cơ trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (hãng hàng không hoặc đại lý hãng hàng không), các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc khai báo và làm thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp hãng hàng không hoặc đại lý hãng hàng không không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn thứ cấp thì người phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn thứ cấp đến Cổng thông tin một cửa quốc gia.

8. Người sử dụng là người truy cập, xử lý và sử dụng các chức năng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh

1. Người làm thủ tục khai báo theo phương thức điện tử các thông tin hoặc chứng từ sau thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia:

a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không và vận đơn chủ đối với tàu bay xuất cảnh có vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;

b) Danh sách hành khách đối với tàu bay xuất cảnh có vận chuyển hành khách;

c) Danh sách tổ bay;

d) Bản lược khai hành lý ký gửi của hành khách đối với tàu bay xuất cảnh có vận chuyển hành lý ký gửi của hành khách. Thông tin này được khai độc lập hoặc nằm trong Danh sách hành khách, Danh sách tổ bay và Thông tin về đặt chỗ của hành khách (PNR);

đ) Thông tin về chuyến bay (đường bay, số liệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách, tổ bay và thời gian xuất cảnh);

e) Thông tin về đặt chỗ của hành khách (thông tin PNR).

Các chỉ tiêu thông tin khai báo trong các chứng từ theo phương thức điện tử tại khoản này thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định.

2. Chứng từ phải nộp hoặc xuất trình:

Người làm thủ tục phải nộp các chứng từ bản giấy (bản chính) sau cho các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không:

a) Tờ khai chung hàng không (bao gồm khai báo y tế) nộp cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới;

b) Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có) nộp cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới;

c) Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có) nộp cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới.

Người làm thủ tục phải xuất trình các chứng từ bản giấy (bản chính) sau cho các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không:

d) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực của hành khách; Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực của tổ bay xuất trình cho Công an cửa khẩu;

đ) Phiếu tiêm chủng quốc tế của tổ bay, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm) xuất trình cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới.

3. Thời hạn cung cấp thông tin, chứng từ:

a) Thời hạn cung cấp thông tin đối với các chứng từ nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này: Ngay sau khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh.

b) Thời hạn cung cấp thông tin đối với chứng từ nêu tại điểm đ khoản 1 Điều này: Ngay khi làm thủ tục cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu.

c) Thời hạn cung cấp thông tin đối với chứng từ nêu tại điểm e khoản 1 Điều này: Chậm nhất trước 24 giờ trước thời điểm tàu bay xuất cảnh. Trong trường hợp có thay đổi thông tin PNR thì gửi thông tin cập nhật chậm nhất trước 08 giờ trước thời điểm tàu bay xuất cảnh.

d) Thời hạn nộp các chứng từ tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này: Ngay trước thời điểm tàu bay dự kiến rời cảng hàng không. Thời hạn xuất trình các chứng từ tại điểm d, đ khoản 2 Điều này: Tại thời điểm làm thủ tục với cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không

Cơ quan quản lý nhà nước căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm: Tiếp nhận, phản hồi việc đã tiếp nhận đối với thông tin/chứng từ cung cấp theo phương thức điện tử; tiếp nhận đối với chứng từ nộp bản giấy; kiểm tra đối với chứng từ xuất trình bản giấy; xác nhận hoàn thành thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh. Việc tiếp nhận, phản hồi việc tiếp nhận và xác nhận hoàn thành thủ tục thực hiện tự động thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia cho người làm thủ tục và các bên liên quan.

a) Thời hạn thực hiện thủ tục

- Đối với các chứng từ nêu tại khoản 1 Điều này: Không quá 01 giờ kể từ khi người làm thủ tục khai báo thông tin đầy đủ, hợp lệ và gửi thông tin chứng từ điện tử tới hệ thống;

- Đối với các chứng từ nêu tại khoản 2 Điều này: Ngay khi người làm thủ tục nộp, xuất trình đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.

b) Trách nhiệm thực hiện thủ tục

- Cảng vụ hàng không chịu trách nhiệm tiếp nhận, phản hồi việc đã tiếp nhận các chứng từ nêu tại điểm đ khoản 1 Điều này;

- Công an cửa khẩu chịu trách nhiệm tiếp nhận, phản hồi việc đã tiếp nhận các chứng từ nêu tại điểm đ, e khoản 1 và kiểm tra chứng từ nêu tại điểm d khoản 2 Điều này;

- Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ nêu tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều này;

- Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm tiếp nhận, phản hồi việc đã tiếp nhận các chứng từ nêu tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này và xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh.

5. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong bộ chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Người làm thủ tục có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin trong chứng từ khai báo thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước hoặc sau khi tàu bay xuất cảnh.

b) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung để thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu bay xuất cảnh.